

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1

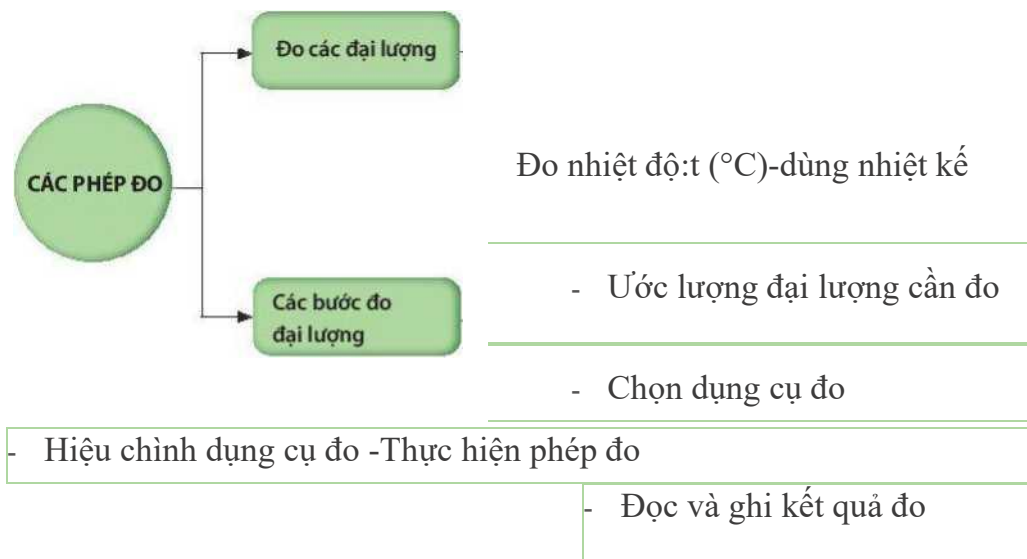
(1 tiết)

Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức

GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về *các phép đo cơ bản như: Đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian, đo nhiệt độ.*

GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề.

Đo chiều dài: / (m) - dùng thước



Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập

Nhiệm vụ: GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập để định hướng cho HS giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề.

Tổ chức dạy học: GV hướng dẫn HS tìm hiểu và thực hiện một số bài tập để ôn tập chủ đề.

Một số bài tập gợi ý:

1. Có hai nhiệt kế là nhiệt kế rượu và nhiệt kế thủy ngân. Cho biết nhiệt độ sôi của rượu và thủy ngân lần lượt là 78 °C và 357 °C. Dùng nhiệt kế nào có thể đo được nhiệt độ của nước đang sôi?

- A. Dùng được cả hai nhiệt kế. B. Không dùng được cả hai nhiệt kế.
c. Chỉ dùng được nhiệt kế rượu. D. Chỉ dùng được nhiệt kế thủy ngân.

2. Hãy lập bảng theo mẫu sau và chọn thước đo phù hợp nhất với các đối

tượng cần đo:

Loại thước	Thước kẻ dài 30 cm	Thước cuộn	Thước dây	Thước kẹp
Chiều dài lớp học				
Chiều cao của người				
Đường kính ruột bút chì				
Đường kính miệng cốc uống nước				

3. Có một cái cân đồng hồ đã cũ và không còn chính xác, làm thế nào có thể cân chính xác khối lượng của một vật nếu cho phép dùng thêm một hộp chứa nhiều loại quả cân khác nhau?

4. Để thực hiện đo thời gian khi đi từ cổng trường vào lớp học em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn và trình bày các bước đo.

Hướng dẫn giải:

1. Đáp án D. Chỉ dùng được nhiệt kế thủy ngân.

2.

Loại thước Đo lường	Thước kẻ dài 30 cm	Thước cuộn	Thước dây	Thước kẹp
Chiều dài lớp học		X	X	
Chiều cao của người		X	X	
Đường kính ruột bút chì				X
Đường kính miệng cốc uống nước	X			

3. Đặt vật cần lên đĩa cân và ghi nhận giá trị của kim chỉ. Sau đó thay vật cần cân bằng một số quả cân thích hợp sao cho kim cân chỉ đúng vị trí cũ. Tổng khối lượng của các quả cân trên đĩa cân bằng khối lượng của vật cần cân.

4. Thực hiện đo thời gian đi từ cổng trường vào lớp học nên dùng đồng hồ bấm giây vì thời gian di chuyển của ta trong hoạt động đó là ngắn. Các bước đo:

- Ước lượng khoảng thời gian cần đo.
- Chọn đồng hồ phù hợp: Đồng hồ bấm giây.
- Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.
- Thực hiện phép đo.

- Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo

***Câu hỏi ôn tập kiểm tra**

Câu 1. Trên một hộp mứt tết có ghi 250g. Con số đó có ý nghĩa gì?

Câu 2. Để đo chiều dài và chiều rộng của phòng học, ta nên dùng?

Câu 3. Giới hạn đo của thước là gì?

Câu 1: Hãy cho biết GHĐ và ĐCNN của thước ở hình sau



Câu 5. Loại cân nào thích hợp để sử dụng cân vàng, bạc ở các tiệm vàng ?

Câu 6. Để đo thời gian của vận động viên chạy 100 m, loại đồng hồ thích hợp nhất ?

Câu 7. Khi đo khối lượng của một vật bằng cân, ta cần thực hiện mấy bước?

Câu 8. Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là ?

Câu 9. Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó ?

Câu 10. Nguyên tắc nào dưới đây được sử dụng để chế tạo nhiệt kế thường dùng ?

.....

BÀI 8. SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT. TÍNH CHẤT CỦA CHẤT (3 tiết)

1. SỰ ĐA DẠNG CỦA CHẤT

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự đa dạng của chất

HS quan sát hình 8.1 trong SGK (hoặc dùng máy chiếu phóng to hình), hướng dẫn HS quan sát một cách tổng quát đến chi tiết để liệt kê được càng nhiều vật thể có trong hình càng tốt và giúp HS thảo luận câu hỏi 1.



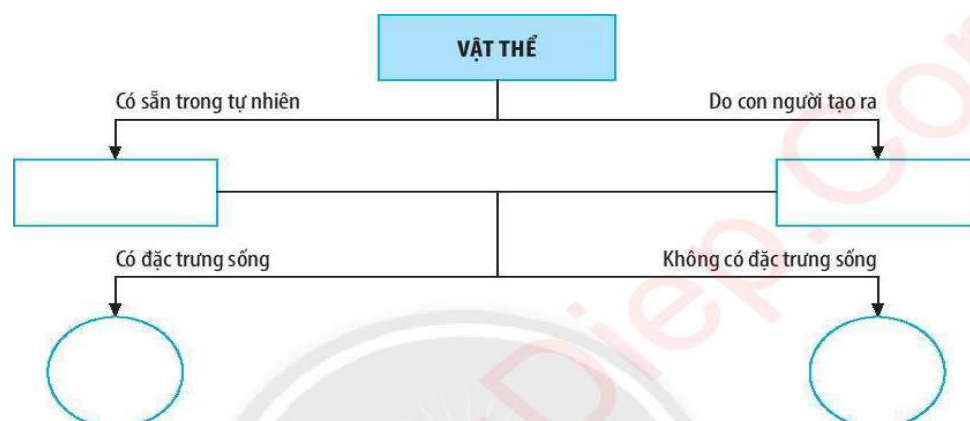
1. Em quan sát được những vật thể nào trong hình 8.1 ? Vật thể nào có sẵn trong tự nhiên (vật thể tự nhiên), vật thể nào do con người tạo ra (vật thể nhân tạo)?

- Các vật thể: Đá, đất, nước, cây, không khí, con người, thuyền,...
- Vật thể tự nhiên: Đá, đất, nước, cây, không khí, con người,...
- Vật thể nhân tạo: Thuyền,...

GV kết luận những gì các em vừa nhìn thấy và kể ra trong hình 8.1 cũng như trong cuộc sống xung quanh ta được gọi là vật thể.

Sau khi nhận ra được tính đa dạng của các vật thể, GV hướng dẫn HS phân loại và từ đó phân biệt được các vật thể.

GV sử dụng phương pháp graph (hoặc kỹ thuật sử dụng sơ đồ tư duy) trong dạy học, chiếu sơ đồ sau lên màn hình và yêu cầu HS điền vào các đỉnh của graph theo các gợi ý cho sẵn. Sau đó đối chiếu với các nhận xét của SGK để ghi nhớ cách phân loại các dạng vật thể cũng như các dấu hiệu đặc trưng để phân biệt chúng.



Quan sát hình 8.2 và điền thông tin theo mẫu bảng 8.1.



Chất	Thể	Hình dạng xác định không?	Có thể nén không?
Nước đá	Rắn	Có	Rất khó
Nước lỏng	Lỏng	Không	Khó
Hơi nước	Khí (hơi)	Không	Dễ

Sau khi nhận ra được các thể của chất, GV hướng dẫn HS tìm hiểu các đặc điểm của các thể cơ bản của chất.

HS quan sát và yêu cầu HS trả lời theo các nội dung: mối liên kết giữa các hạt, khối lượng, hình dạng và thể tích, khả năng bị nén. Sau đó GV tổng hợp lại thành bảng như SGK để giúp HS ghi nhớ các dấu hiệu đặc trưng để phân biệt các thể của chất.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần đọc thêm về khái niệm chất hiểu một cách đơn giản, thảo luận các nội dung 6 trong SGK.

1. Quan sát hình 8.3, hãy nhận xét đặc điểm về thể rắn, thể lỏng và thể khí của chất.



▲ Hình 8.3. Đặc điểm các thể của chất

GV gợi ý HS thảo luận các nội dung:

- Khoảng cách giữa các hạt và sự liên kết của chúng trong các thể;

- Khối lượng riêng, thể tích và hình dạng;
- Khả năng bị nén.

Sau khi thảo luận các nội dung ở hoạt động 2, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như gợi ý trong SGK.

****Tiểu kết: HS ghi bài***

Đặc điểm cơ bản 3 thể của chất:

- Ở thể rắn:
 - + Các hạt liên kết chặt chẽ.
 - + Có hình dạng và thể tích xác định.
 - + Rất khó bị nén.
- Ở thể lỏng:
 - + Các hạt liên kết không chặt chẽ.
 - + Có hình dạng không xác định, có thể tích xác định.
 - + Khó bị nén.
- Ở thể khí/ hơi:
 - + Các hạt chuyển động tự do
 - + Có hình dạng và thể tích không xác định.
 - + Dễ bị nén.

Luyện tập

*** Kể tên ít nhất hai chất ở mỗi thể rắn, lỏng, khí mà em biết.**

- Khí: carbon dioxide, oxygen,...
- Rắn: sắt, muối,...
- Lỏng: nước, rượu,...